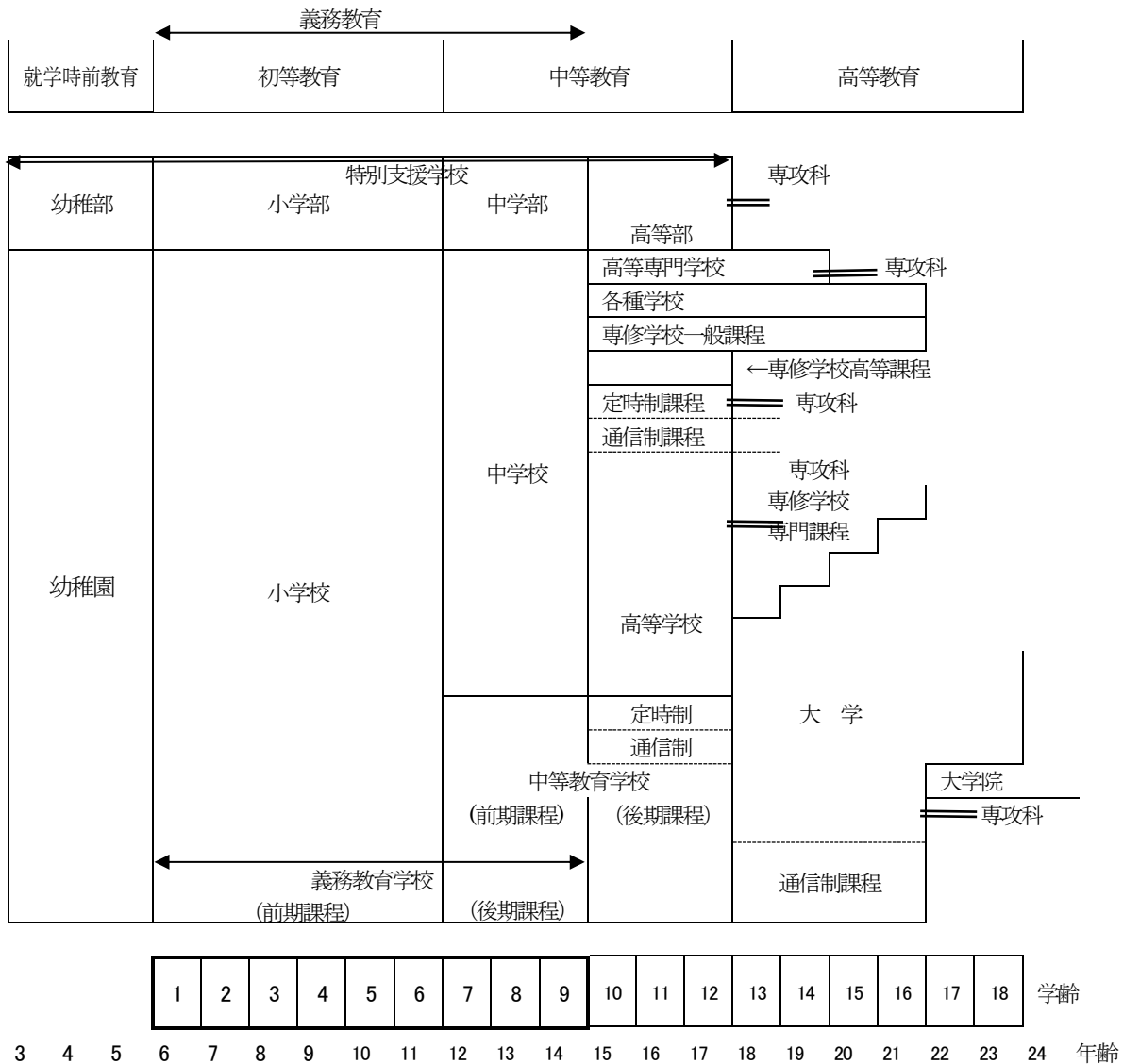


1. 学校教育制度

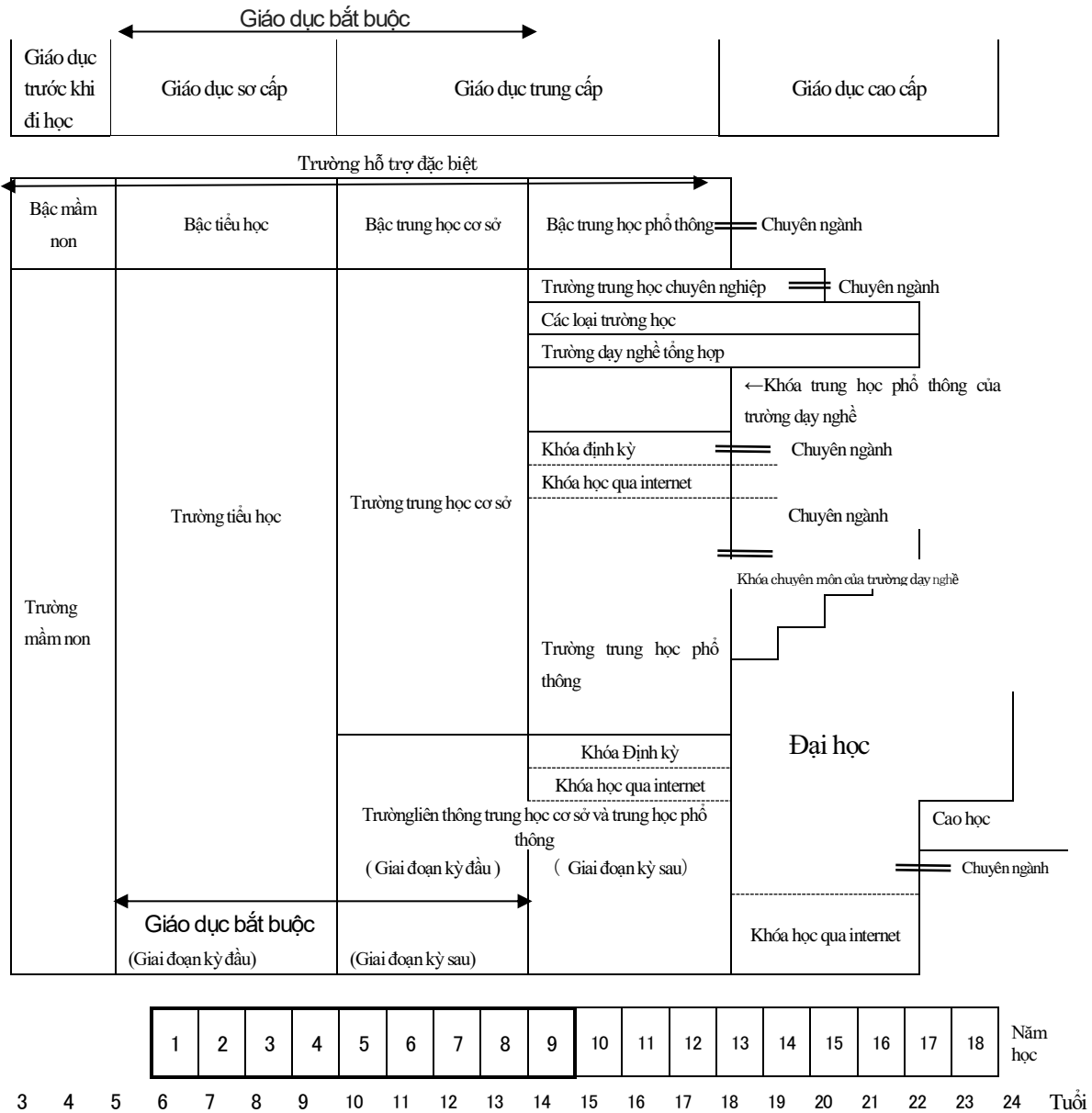
にほん がっこうけいとうず  
日本の学校系統図



- (1) 就学時前教育について  
しょうがくじまきょうい  
 満3歳から小学校就学までの幼児を対象とし、幼稚園で行われています。
- (2) 義務教育について  
ぎむきょうい  
 義務教育は、満6歳～満15歳までの9年間、小、中学校、義務教育学校及び特別支援学校（小学部・中学部）で行われています。
- (3) 初等中等教育について  
しとうちゅうとうきょうい  
 小学校は、満6歳を過ぎた最初の4月から入学することができ、6年間の教育を受けます。小学校を卒業すると、中学校に入ることができ、3年間の教育を受けます。高等学校は、小学校及び中学校における義務教育を修了した人を対象に普通教育及び専門教育を行っており、通常3年間の教育を受けます。また、障害のある子どものために、通級指導教室、特殊学級が設置されている小・中学校や特別支援学校があります。そこでは、児童一人一人の障害の状況に応じたきめ細かな教育が行われています。

1. Chế độ giáo dục học đường

## Biểu đồ hệ thống các trường học ở Nhật Bản



(1) **Giáo dục trước khi đi học**

Các em từ 3 tuổi đến trước khi vào tiểu học sẽ được học tại các trường mẫu giáo.

(2) **Giáo dục bắt buộc**

Giáo dục bắt buộc trong thời gian 9 năm (từ 6 đến 15 tuổi) tại các trường tiểu học, trung học cơ sở, các trường giáo dục bắt buộc, và các trường hỗ trợ đặc biệt (ở bậc tiểu học và trung học cơ sở).

(3) **Về giáo dục sơ cấp và trung cấp**

Trường tiểu học thực hiện đào tạo trong 6 năm. Có thể nhập học vào trường tiểu học từ tháng 4 đầu tiên khi đã đủ 6 tuổi. Sau khi tốt nghiệp tiểu học, các em học tiếp lên trung học cơ sở trong 3 năm. Sau khi hoàn thành giáo dục bắt buộc ở bậc tiểu học và trung học cơ sở, các em học tiếp lên bậc trung học phổ thông và có thể lựa chọn vào trường chuyên môn, hoặc trường bình thường với thời gian đào tạo là 3 năm.

Ngoài ra, có các trường hỗ trợ đặc biệt và trường giáo dục đặc biệt liên thông (cấp tiểu học, trung học cơ sở) được thành lập dành cho học sinh khuyết tật. Thêm nữa, các em sẽ được hướng dẫn học tập cụ thể tùy theo mức độ khuyết tật của mỗi học sinh.

こうりつしょう ちゅうがっこうおよ とうべつしえんがっこう しょうがくぶ ちゅうがくぶ じゅぎょうりょう むしょう  
公立小・中学校及び特別支援学校の小学部・中学部の授業料は無償です。

#### (4) 高等教育について

こうとうきょうい く せい だいがく たんきだいがく おこな こうと せんもんてき きょうい く おこな きかん つうじょう  
高等教育は、主として大学と短期大学で行われています。これらは、高度で専門的な教育を行う機関で、通常、  
だいがく しゅうぎょうねんげん ねん たんきだいがく ねん こうと こうとうきょうい く おこな きかん だいがくいん ねん  
大学の修業年限は4年、短期大学は2年です。さらに高度な高等教育を行う機関として大学院（2年ないし5  
ねん）があります。

ほか しよくぎょうとう ひつよう のうりよく いくせい きかん せんもんがっこう おも ねん  
なお、この他に職業等に必要なる能力を育成する機関として専門学校（主に2年）があります。

## 2. 教育内容

### (1) 教育課程（カリキュラム）

がっこう まな もんぶががくしょう さくせい がくしゅうしどうりょう さだ かくがっこう  
学校でどのようなことを学ぶかは、文部科学省が作成する学習指導要領によって定められています。各学校の  
きょうい く かい せい ねん きじゆん かくきょうかう へんせい  
教育課程は、それを基準として、各教科等から編成されています。

### (2) 学習教科について

しょうがっこう こくご しゃかい さんすう りか せいかつ おんがく ず がこうさく かい たいいく どうとく がいこくご がいこくごかつどう とうべつ  
小学校では、国語、社会、算数、理科、生活、音楽、図画工作、家庭、体育、道徳、外国語、外国語活動、特別  
かつどうおよ そうごうてき がくしゅう じかん がくしゅう  
活動及び総合的な学習の時間について学習します。

ちゅうがっこう こくご しゃかい ずがく りか おんがく びじゆつ ほけんたいいく ぎじゆつ かい がいこくご どうとく とうべつかつどうおよ そうごうてき  
中学校では、国語、社会、数学、理科、音楽、美術、保健体育、技術・家庭、外国語、道徳、特別活動及び総合的  
な学習の時間について学習します。外国語は原則として、英語を学びます。

しょう ちゅうがっこう つうきゅうしどうきょうしつ とうくしゅがつきゅう せつち しょう ちゅうがっこう とうべつしえんがっこう じゅぎょう つうじょう  
小・中学校、通級指導教室や特殊学級が設置されている小・中学校、特別支援学校とも、授業は通常  
にほんご おこな  
日本語により行われます。

### (3) 教科書について

がくしゅう しょう きょうかしよ しょう ちゅうがっこう とうべつしえんがっこう しょうがくぶおよ ちゅうがくぶ じどうせいと たい しんがくねん  
学習に使用する教科書は、小・中学校、特別支援学校の小学部及び中学部の児童生徒に対して、新学年にな  
るたびに国から無償で一人一人に給与されます。

こうとうがっこうおよ とうべつしえんがっこう こうとうぶ くに むしよくきゅうよ とうべつしえんがっこう  
なお、高等学校及び特別支援学校の高等部については、国からは無償給与されません。（ただし、特別支援学校の  
こうとうぶ とうふけんきょういぐいんかい こうにゅうひょう ぜんがくほじょう  
高等部については、都道府県教育委員会から購入費用の全額補助が受けられます。）

がっこう きょうかしよがい ほうじょきょうざい さんこうしよ しょう  
また、学校では、教科書以外にも補助教材といわれる参考書などを使用することがあり、それらについては、購入  
ひょう しはら  
費用を支払わなければなりません。

### (4) 進級・進学について

にほん ぎ むきょうい く きかん と きゅう せいど にゅうがく へんにゅうがく がくねん じゆんじ じょうきゅうがくねん がくしゅう  
日本では、義務教育の期間は飛び級の制度はなく、入学（編入学）した学年から順次、上級学年の学習へ  
と進んでいきます。義務教育終了後、高等学校に進学する際は、通常は入学者選抜試験を受けることになりま  
す。

### (5) 就学援助について

けいざいてきりゆう こうりつ しょう ちゅうがっこう しゅうがく こんなん しちようそんきょういぐいんかい みと ぼあい がくようひん  
経済的理由により、公立の小・中学校への就学が困難と市町村教育委員会から認められた場合、学用品  
の購入や学校給食費等の必要な援助が受けられます。

くわ す しちようそんきょういぐいんかい といあわ  
詳しくは、お住まいの市町村教育委員会にお問合せください。

Tiền học phí của trường tiểu học, trung học công lập hoặc trường hỗ trợ đặc biệt (cấp tiểu học ,trung học) sẽ được miễn phí.

#### **(4) Về giáo dục bậc cao**

Giáo dục bậc cao chủ yếu được thực hiện ở trường đại học bình thường và đại học ngắn hạn. Đây là những cơ quan đào tạo kiến thức chuyên môn cao cấp, thông thường thời gian đào tạo ở bậc đại học là 4 năm, đại học ngắn hạn là 2 năm. Ngoài ra còn có các cơ sở đào tạo kiến thức chuyên môn ở cấp cao hơn là cao học (thời gian đào tạo từ 2 hoặc 5 năm). Ngoài ra, còn có các trường cao đẳng chuyên môn (thời gian đào tạo chủ yếu là 2 năm) với vai trò là cơ sở đào tạo các kỹ năng cần thiết trong nghề nghiệp.

## **2. Nội dung giáo dục, đào tạo**

### **(1) Chương trình giáo dục, đào tạo (Giáo trình)**

Nội dung học được các trường sắp xếp dựa theo “nội dung chỉ đạo hướng dẫn học tập “của Bộ Khoa học kỹ thuật thể thao và văn hóa giáo dục (MEXT) Nhật Bản.

Các giáo trình của các trường được soạn dựa trên nội dung này.

### **(2) Các môn học**

Các môn học ở bậc tiểu học: Quốc ngữ, Xã hội, Tính toán, Tự nhiên, Sinh hoạt, Âm nhạc, Vẽ, Gia đình, Đạo đức, Ngoại ngữ và các hoạt động sử dụng ngoại ngữ, giờ học tổng hợp và các hoạt động đặc biệt.

Các môn học ở bậc trung học cơ sở: Quốc ngữ, Xã hội, Quốc ngữ, Tự nhiên, Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục rèn luyện sức khỏe, Kỹ thuật-Gia đình, Ngoại ngữ, Đạo đức, giờ học tổng hợp và các hoạt động đặc biệt. Trên nguyên tắc, môn ngoại ngữ được học là tiếng Anh.

### **(3) Về sách giáo khoa**

Sách giáo khoa sử dụng trong các trường sau sẽ được nhà nước cấp miễn phí vào mỗi đầu năm học mới : trường tiểu học, trung học cơ sở, cấp tiểu học, trung học cơ sở của các trường hỗ trợ đặc biệt. Đối với các trường trung học phổ thông và trường hỗ trợ đặc biệt (bậc cao) thì không được cấp sách miễn phí.

Tuy nhiên đối với trường hỗ trợ đặc biệt (bậc cao) thì có thể nhận hỗ trợ toàn bộ số tiền mua sách giáo khoa từ ủy ban giáo dục tỉnh.

※Lưu ý còn có những tài liệu tham khảo ngoài sách giáo khoa được sử dụng ở trường. Tiền mua tài liệu này thì phải tự trả tiền.

### **(4) Về việc lên lớp và chuyển cấp học**

Ở Nhật Bản, trong thời gian giáo dục bắt buộc không áp dụng chế độ vượt cấp, mà sẽ theo thứ tự từng năm nhập học (hoặc chuyển trường) đến năm tiếp theo. Sau khi kết thúc giai đoạn giáo dục bắt buộc, khi học tiếp lên cấp trung học phổ thông, thông thường phải tham dự kỳ thi vào trường.

### **(5) Về hỗ trợ đi học**

Tùy vào điều kiện kinh tế, nếu được các ủy ban giáo dục địa phương xác nhận là gặp khó khăn trong việc theo học vào các trường tiểu học và trung học công lập thì có thể được hỗ trợ phần chi phí mua dụng cụ học tập, chi phí suất ăn ở trường.

Xin hãy hỏi thông tin chi tiết tại Ủy ban giáo dục địa phương nơi đang sống.

### 3. 学校の一日

授業時間数や下校時間は、曜日や学年により異なります。1年生は1日だいたい5時限で、6年生は、1日だいたい6時限（1時限は、一般に、小学校は45分、中学校は50分）です。土曜日、日曜日は休みです。

#### (1) 給食時間

小学校及び中学校では、多くの場合、学校教育活動の一環として学校給食が実施されています。学校給食では、子どもたちが、自分たちで配膳したり、後かたづけをするほか、みんなそろって楽しく、栄養バランスのとれた食事をするを通じ、正しい食事の在り方や美味しい人間関係を学び、生涯にわたって健康な生活を送れるよう、様々な工夫がなされています。

学校給食にかかる経費のうち、食材料費については、保護者が負担することとなっており、地域や学年によって異なりますが、1ヶ月あたり3,500円～4,500円程度の負担となっています。

なお、一部の中学校等では、学校給食が実施されていない場合もあります。

#### (2) 清掃時間

日本の学校では、自分たちの使う教室や校庭などを皆で分担して、きれいに清掃します。

#### (3) 部活動

児童生徒のうち希望者は、放課後に、運動や文化的な活動を行うことができます。中学校では、土日に部活動を行う学校もあります。

### 4. 学校の一年（学校によって1年を3期に分ける3学期制と2期に分ける2学期制があります。）

#### (1) 始業式

学期の始まりを告げる行事です。

#### (2) 入学式

1年生に入学する児童生徒を迎え、祝福する行事です。

#### (3) 身体測定・定期健康診断

児童生徒の身長、体重、座高の発育の様子を測定します。また、健康状態を医師が診断します。

#### (4) 修学旅行

主に最高学年において、学年全員で数日間の旅行・宿泊をします。

#### (5) 校外学習

教室では勉強できないことを、徒歩やバス等で校外に出て、自然や歴史・文化に親しみながら学びます。

#### (6) 学習参観・学級懇談会

児童生徒が毎日どのように学校や家庭での生活をしているかについて、保護者がそろって教室での授業風景を見たり、保護者と担任の先生が情報を交換する機会です。

#### (7) 終業式

学期の終わりを告げる行事です。

### 3. Một ngày ở trường học

Thời gian học trên lớp và hết tiết học thay đổi theo các ngày trong tuần và lớp. Lớp 1 thì một ngày có khoảng 5 tiết, lớp 6 thì một ngày có khoảng 6 tiết (1 tiết học thông thường là 45 phút ở trường tiểu học và 50 phút ở trường trung học). Theo nguyên tắc, thứ bảy, chủ nhật được nghỉ.

#### (1) Giờ bữa ăn trưa

Nhiều trường tiểu học và trung học cơ sở xem bữa ăn trưa như một hoạt động trong giáo dục tại trường. Thông thường, việc phát bữa trưa và dọn dẹp sau khi ăn sẽ do học sinh tự đảm nhiệm. Thông qua việc cùng nhau làm việc và ăn bữa ăn đầy đủ dinh dưỡng, các em vừa học được cách ăn uống đúng cách vừa học cách tạo dựng mối quan hệ con người tốt đẹp, để có thể có một sức khỏe tốt đến suốt đời.

Đối với chi phí bữa ăn ở trường, tiền nguyên liệu để nấu ăn sẽ để phụ huynh chi trả, từ theo vùng và lớp mà chi phí hàng tháng sẽ vào khoảng 3,500 yên ~ 4,500 yên.

Tuy nhiên, có một số trường trung học cơ sở không tổ chức cung cấp bữa ăn trưa tại trường.

#### (2) Thời gian làm vệ sinh

Tại trường học ở Nhật, học sinh phải tự phân công nhau dọn dẹp phòng học và sân trường, v.v. những nơi mà mình đã sử dụng.

#### (3) Hoạt động câu lạc bộ

Các học sinh có nhu cầu có thể tham gia vào các hoạt động câu lạc bộ (vận động hay hoạt động văn hóa). Cũng có trường trung học, hoạt động câu lạc bộ được tổ chức vào thứ 7, chủ nhật.

### 4. Một năm học (tùy theo từng trường, 1 năm học chia làm 3 học kỳ, hoặc 2 học kỳ)

#### (1) Lễ khai giảng

Buổi lễ thông báo bắt đầu học kỳ.

#### (2) Lễ nhập học

Đây là buổi lễ chúc mừng các học sinh năm thứ nhất.

#### (3) Kiểm tra thân thể, khám sức khỏe định kỳ

Đo chiều cao, cân nặng, mức độ phát triển của học sinh. Bác sĩ sẽ kiểm tra tình trạng sức khỏe của học sinh.

#### (4) Đi tham quan học hỏi

Chủ yếu được tổ chức vào năm cuối cấp, toàn thể học sinh cùng cấp cùng nhau đi tham quan và trở lại trong vài ngày.

#### (5) Học tập ngoài trường

Đi bộ hoặc đi xe bus ra bên ngoài trường để học hỏi thêm về thiên nhiên, lịch sử, văn hoá những kiến thức không thể học ở trong lớp được.

#### (6) Tham quan giờ học, họp phụ huynh

Các phụ huynh đến trường và tham quan tình hình giờ học cũng như hoạt động của học sinh tại trường. Ngoài ra, buổi họp phụ huynh là cơ hội tốt để phụ huynh và giáo viên chủ nhiệm cùng nhau trao đổi thông tin.

#### (7) Lễ tổng kết

Buổi lễ thông báo kết thúc học kỳ.

(8) 夏休み

7～8月に約30日～40日間の長い休みをとります。夏休みの課題を出す学校がほとんどです。

学校により補習等や部活動などをすることもあります。

(9) 避難訓練・引渡し訓練

火事や地震などの災害の危険があるとき、安全な場所へ逃げたり、保護者に引き渡すための訓練です。

(10) 運動会

短距離走やリレー、玉入れやダンスなどをしたり、友達のおうえんをしながら、運動に親しむ行事です。学校によ

っては、家族も参加できる種目を用意しています。

(11) 音楽・演劇鑑賞会

優れた芸術を鑑賞したり、聴いたりして心を豊かにします。

(12) 学芸会・文化祭

図画工作、技術、家庭科等で製作した作品や社会科・理科等で学習したレポートなどを展示したり、楽器の

演奏や合唱、演劇等の発表をしたり、それらを鑑賞したりする会です。

(13) 冬休み

12月～1月の年末年始に比較的短い休みをとります。

(14) 卒業式

最上級生の学校の卒業を祝う行事です。

(15) 修了式

学期の終業式であるとともに、1年の締めくくりを行う行事です。

(16) 春休み

3月の修了式が終わると、春休みになります。この休みが終わると進級して、4月から新しい学年で勉強

することになります。

(17) 国民の祝日

日本の国民こぞって祝い、感謝し、又は記念する日をいい、この日は学校も休みになります。

がついつち 1月1日	とし 年のはじめを祝います。
がつだい げつようび せいじん ひ 1月第2月曜日 (成人の日)	おとな はたち じかく みずか いぬ せいねん いわ 大人 (二十歳) になったことを自覚し、自ら生き抜こうとする青年を祝い はげ 励まします。
がつ にち けんこくきねん ひ 2月11日 (建国記念の日)	けんこく くに あい ところ やしな 建国をしのび、国を愛する心を養います。
がつしゅんぶんび しゅんぶん ひ 3月春分日 (春分の日)	しぜん せいぶつ 自然をたたえ、生物をいつくしみます。
がつ にち しょうわ ひ 4月29日 (昭和の日)	げきどう ひび へ ふっこう と しょうわ じだい かえり くに しょうらい おも 激動の日々を経て、復興を遂げた昭和の時代を顧み、国の将来に思いを いたします。
がつ か けんぽうきねん ひ 5月3日 (憲法記念日)	にほん くに けんぽう せこう きねん くに せいちょう ねが 日本の国の憲法の施行を記念し、国の成長を願います。
がつ か ひ 5月4日 (みどりの日)	しぜん した おんけい かんしゃ ゆた ところ 自然に親しむとともにその恩恵に感謝し、豊かな心をはぐくみます。

(8) Nghỉ hè

Nghỉ hè dài khoảng 30 đến 40 ngày (tháng 7, tháng 8). Hầu như trường nào cũng có bài tập khi nghỉ hè. Cũng có trường có tổ chức học thêm và hoạt động câu lạc bộ.

(9) Luyện tập tránh nạn, đón học sinh về

Về luyện tập tránh nạn (chạy đến nơi an toàn), và luyện tập việc đưa đón học sinh về khi có xảy ra thiên tai như cháy nổ, động đất v.v.

(10) Đại hội thể dục thể thao

Đây là hoạt động thể thao để các học sinh cùng tham gia hợp sức với nhau như chạy cự ly ngắn, chạy tiếp sức, thi gom bóng vào rổ, nhảy múa v.v..

Tùy theo trường học, Phụ huynh cũng có thể cùng tham gia một số môn.

(11) Hội thưởng thức âm nhạc, kịch

Đây là dịp để thưởng thức các tác phẩm nghệ thuật đặc sắc, làm phong phú thêm tâm hồn.

(12) Lễ hội mỹ thuật, hội giao lưu văn hóa

Đây là lễ hội để triển lãm, thưởng thức các tác phẩm, bài viết trong các môn học, phát biểu, trình diễn bằng nhạc cụ và hợp xướng, diễn kịch do chính các học sinh thực hiện.

(13) Nghỉ đông

Kỳ nghỉ tương đối ngắn (Tháng 12 ~ tháng 1).

(14) Lễ tốt nghiệp

Lễ chúc mừng các học sinh cuối cấp tốt nghiệp.

(15) Lễ bế giảng năm học

Vừa là buổi lễ kết thúc học kỳ cuối, đồng thời cũng khép lại một năm học.

(16) Nghỉ xuân

Sau khi buổi lễ bế giảng kết thúc, sẽ là kỳ nghỉ xuân. Sau khi kết thúc kỳ nghỉ xuân này sẽ được lên lớp, từ tháng 4 năm sẽ học tiếp lên lớp trên.

(17) Ngày nghỉ lễ cả nước

Đây là ngày kỷ niệm, cảm tạ, chúc mừng trên toàn quốc, cho nên trường học cũng nghỉ.

Ngày 1/1 (ngày đầu năm)	Mừng ngày đầu năm
Ngày thứ hai tuần thứ 2 của tháng 1 (Ngày Lễ thành nhân)	Ngày lễ chúc mừng các thiếu niên trở thành người lớn (20 tuổi), từ đây có thể tự sống cuộc sống của mình.
Ngày 11/2 (Ngày Quốc khánh)	Nuôi dưỡng tinh thần yêu nước.
Ngày Xuân phân tháng 3	Ca ngợi thế giới tự nhiên và vạn vật.
Ngày 29/4 (Ngày Syowa)	Ngày tưởng nhớ lại việc Nhật Bản đã trải qua nhiều biến động, những năm tháng thịnh vượng thời Syowa và hy vọng vào tương lai của đất nước.
Ngày 3/5 (Ngày Lập pháp)	Kỷ niệm thi hành Hiến pháp quốc gia, cầu mong cho sự phát triển của đất nước.
Ngày 4/5 (Ngày Màu Xanh)	Ngày cảm ơn thiên nhiên và nuôi dưỡng tâm hồn phong phú.



がつ か ひ 5月5日 (こどもの日)	じんかく おも こうふく はは かんしゃ こどもの人格を重んじ、こどもの幸福をはかるとともに、母に感謝します。
がつだい げつようび うみ ひ 7月第3月曜日 (海の日)	うみ おんけい かんしゃ かいようこくにほん はんえい ねが 海の恩恵に感謝するとともに、海洋国日本の繁栄を願います。
がつ にち やま ひ 8月11日 (山の日)	やま した きかい え やま おんけい かんしゃ 山に親しむ機会を得て、山の恩恵に感謝する。
がつだい げつようび けいろう ひ 9月第3月曜日 (敬老の日)	たねん しゃかい つ ろうじん けいあい ちようじゅ いわ 多年にわたり社会に尽くしてきた老人を敬愛し、長寿を祝います。
がつしゅうぶんび しゅうぶん ひ 9月秋分日 (秋分の日)	そせん うやま ひとびと 祖先を敬いなくなった人々をしのびます。
がつだい げつようび たいいく ひ 10月第2月曜日 (体育の日)	すぼ ー つ した けんこう しんしん スポーツに親しみ、健康な心身をつちかみます。
がつ か ぶんか ひ 11月3日 (文化の日)	じゆう へいわ あい ぶんか 自由と平和を愛し、文化をすすめます。
がつ にち きんろうかんしゃ ひ 11月23日 (勤労感謝の日)	きんろう せいさん いわ こくみん かんしゃ 勤労をたっぴ、生産を祝い、国民たがいに感謝しあいます。
がつ にち てんのうたんじょうび 12月23日 (天皇誕生日)	てんのうたんじょうび いわ 天皇誕生日を祝います。

## 5. 教育相談

日本の学校では、子どもと先生、または保護者と先生が話し合う教育相談の機会があります。子どもの生活上の問題、例えば、いじめ、不登校、進学悩みなどは、この機会を利用すれば良いでしょう。必要な場合には、通訳などを介して相談することも良いでしょう。

学校の教育相談の機会は、概ね次のとおりです。

### (1) 家庭訪問

学校の担任の先生が、子どもの家を訪問して、子どもの学校や家庭での様子について話し合います。学校によっては実施しないところもあります。

### (2) 保護者会 (学級懇談会)

保護者が学校に行き、校長先生の話を聞いたり、担任の先生と話し合いをします。個人的な相談よりは、子どもたち全体に関わる問題について話し合うことが中心となります。

### (3) 個人面談

通常は、子ども自身や子どもの保護者と担任の先生との間で行われる話し合いや相談をいいます。(子ども、保護者、担任の先生の3人で話し合うこともあります。)

個人的な悩みや問題を相談する上で、最も良い機会となります。個人面談は定められた曜日に行いますが、担任から事前に通知されます。また、学校によっては、保護者の申し出により、都合の良い日時に面談したり、通訳をつけたりするなどの配慮をします。

Ngày 5/5 (Ngày thiếu nhi)	Nâng niu và bảo vệ hạnh phúc trẻ em, đồng thời tạ ơn người mẹ.
Ngày thứ hai tuần thứ 3 của tháng 7 (Ngày của Biển)	Tạ ơn sự ưu đãi của biển cả, cầu mong sự phát triển của đất nước vốn được bao bọc bởi biển.
Ngày 11/8 (Ngày của Núi)	Tạo cơ hội gắn gũi với núi non, cảm tạ ưu đãi của núi rừng
Ngày thứ hai tuần thứ 3 của tháng 9 (Ngày Kính lão)	Thể hiện lòng kính trọng những người lớn tuổi đã cống hiến cho xã hội, mừng sự trường thọ.
Ngày Thu phân tháng 9	Ngày kính nhớ tổ tiên, cầu nguyện cho những người đã khuất.
Ngày thứ hai tuần thứ 2 của tháng 10 (Ngày thể thao)	Ngày hoạt động thể thao, nuôi dưỡng một thân thể khỏe mạnh.
Ngày 3/11 (Ngày Văn hóa)	Yêu tự do và hòa bình, phát triển văn hóa.
Ngày 23/11 (Ngày Cảm tạ Lao động)	Quý trọng lao động, mừng sản xuất và cảm tạ lẫn nhau.
Ngày 23/12 (Ngày sinh Nhật Hoàng)	Mừng sinh nhật Nhật Hoàng.

## 5. Trao đổi về giáo dục

Tại trường học của Nhật, có những dịp trao đổi về việc giáo dục giữa phụ huynh và giáo viên cũng như giữa giáo viên và học sinh. Đây là cơ hội tốt để trao đổi các vấn đề trong sinh hoạt học đường như việc miệt thị bạn bè, không đến trường, những lo lắng khi học tiếp lên lớp trên v.v. Trong trường hợp cần thiết, có thể trao đổi thông qua người phiên dịch. Ở trường, có các cơ hội trao đổi về giáo dục như các mục tiếp theo

### (4) Thăm hỏi gia đình

Giáo viên chủ nhiệm sẽ ghé thăm gia đình học sinh và trao đổi với phụ huynh về tình hình của học sinh tại trường học và ở nhà. Tuy nhiên một số trường không thực hiện hoạt động này.

### (5) Họp hội phụ huynh (Buổi lễ thân mật với người cùng khóa)

Phụ huynh đến trường trao đổi, trình bày với thầy hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm. Các cuộc nói chuyện riêng liên quan chủ yếu đến toàn bộ vấn đề của học sinh.

### (6) Trao đổi cá nhân

Thông thường, đây là cuộc nói chuyện giữa bản thân học sinh hoặc phụ huynh với giáo viên chủ nhiệm (cũng có trường họp cả 3 bên cùng nhau nói chuyện).

Đây là cơ hội tốt nhất cho việc trao đổi về các lo lắng và vấn đề cá nhân. Trao đổi cá nhân được tiến hành theo thời gian (thứ) đã quy định và được giáo viên chủ nhiệm thông báo từ trước. Ngoài ra, tùy theo từng trường, dựa theo nguyện vọng của phụ huynh mà sắp xếp các cuộc trao đổi vào thời gian thích hợp hoặc bố trí người phiên dịch.